

Đặc Tả Cấu Trúc Phiếu Bàn Giao Người Bệnh Chuyển Khoa
(Dành cho Điều dưỡng)

Một số kiểu dữ liệu object

DuongTruyenTinhMach

STT	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu Dữ Liệu	ĐỘ DÀI	NGUỒN THAM CHIẾU
1	NoiDat	Nơi đặt đường truyền	Chuỗi	250	
2	NgayDat	Ngày đặt đường truyền	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	NgàyQuyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế: phụ lục 2

Bảng mô tả định dạng

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu Dữ Liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
I	Thông tin chung	1.1	MaQuanLy	Mã quản lý	Số nguyên	25	
I	Thông tin chung	1.2	ID	Mã định danh phiếu/giấy	Số nguyên	25	
I	Thông tin chung	1.3	MaBenhNhan	Mã bệnh nhân	Chuỗi	25	
I	Thông tin chung	1.4	HoVaTenBenhNhan	Họ và tên bệnh nhân	Chuỗi	250	
I	Thông tin chung	1.5	NgaySinh	Ngày sinh	Ngày	YYYY/MM/DD	
I	Thông tin chung	1.6	Tuoi	Tuổi người bệnh	Số nguyên	4	
I	Thông tin	1.7	GioiTinh	Giới tính (1-Nam, 2-	Số nguyên	1	Theo BHYT:

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
	chung			Nữ, 3-Khác)			1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định
I	Thông tin chung	1.8	DiaChi	Địa chỉ	Chuỗi	500	
I	Thông tin chung	1.9	NgayVaoVien	Ngày vào viện	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
I	Thông tin chung	1.10	NgayGioChuyen	Ngày giờ chuyển khoa	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
I	Thông tin chung	1.11	BacSiChiDinhChuyen	Bác sĩ chỉ định chuyển khoa	Chuỗi	250	
I	Thông tin chung	1.12	MaBacSiChiDinhChuyen	Mã bác sĩ chỉ định chuyển	Chuỗi	25	
I	Thông tin chung	1.13	ChuyenTu	Chuyển từ khoa/phòng	Chuỗi	200	
I	Thông tin chung	1.14	ChuyenDen	Chuyển đến khoa/phòng	Chuỗi	200	
I	Thông tin chung	1.15	LyDoChuyen	Lý do chuyển khoa	Chuỗi	500	
I	Thông tin chung	1.16	ChuyenTheoYeuCau	Chuyển theo yêu cầu (1=Không, 2=Có)	Số nguyên	1	
I	Thông tin chung	1.17	IDMauPhieu	ID mẫu phiếu	Số nguyên	5	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
I	Thông tin chung	1.18	SoYTe	Tên Sở Y tế	Chuỗi	250	
I	Thông tin chung	1.19	BenhVien	Tên bệnh viện	Chuỗi	250	Theo BHYT
I	Thông tin chung	1.20	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Chuỗi	25	
II	Tình trạng người bệnh	2.1	ChanDoan	Chẩn đoán chính + kèm theo	Chuỗi	500	
II	Tình trạng người bệnh	2.2	TinhTrangNguoiBenh	Tình trạng chung: 1=Tốt, 2=Trung bình/Nhẹ, 3=Nặng	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.3	TinhTao	Tình táo (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.4	BuonNgu	Buồn ngủ / ngủ gà	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.5	KichDong	Kích động	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.6	LuLan	Lú lẫn	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.7	HonMe	Hôn mê	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.8	Dau	Đau (1=Không, 2=Có)	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.9	ThangDiemDau	Thang điểm đau (VAS 0-10 hoặc mô	Chuỗi	50	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
				tả)			
II	Tình trạng người bệnh	2.10	NguyCoTeNga	Nguy cơ té ngã (1=Không, 2=Có)	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.11	ThangDiemNguyCoTeNga	Điểm Morse/Hendrich...	Chuỗi	50	
II	Tình trạng người bệnh	2.12	NhietDo	Nhiệt độ (°C)	Chuỗi	10	
II	Tình trạng người bệnh	2.13	Mach	Mạch (lần/phút)	Chuỗi	10	
II	Tình trạng người bệnh	2.14	HA	Huyết áp (ví dụ 120/80)	Chuỗi	20	
II	Tình trạng người bệnh	2.15	NhipTho	Nhịp thở (lần/phút)	Chuỗi	10	
II	Tình trạng người bệnh	2.16	SpO2	SpO2 (%)	Chuỗi	10	
II	Tình trạng người bệnh	2.17	DiUng	Dị ứng (1=Không, 2=Có)	Số nguyên	1	
II	Tình trạng người bệnh	2.18	DiUng_GhiRo	Ghi rõ thuốc/thức ăn dị ứng	Chuỗi	500	
III	Can thiệp đang có	3.1	DTTMNgoaiBien	Đường truyền TM ngoại biên (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.2	listDTTMNgoaiBien	Danh sách vị trí (tay trái G20, tay phải	List<DuongTruyenTinhMach >		

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
				G22...)			
III	Can thiệp đang có	3.3	DTTMTrungTam	Đường truyền TM trung tâm (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.4	listDTTMTrungTam	Danh sách (CVC tĩnh mạch đùi, PICC...)	List<DuongTruyenTinhMach >		
III	Can thiệp đang có	3.5	DTDM	Đường truyền động mạch (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.6	DTDM_NgayDat	Ngày đặt đường truyền động mạch	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
III	Can thiệp đang có	3.7	OngThongTieu	Ống thông tiểu (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.8	OngThongTieu_NgayDat	Ngày đặt ống thông tiểu	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
III	Can thiệp đang có	3.9	DanLuu	Dẫn lưu (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.10	DanLuu_NoiDat_1	Vị trí dẫn lưu 1	Chuỗi	200	
III	Can thiệp đang có	3.11	DanLuu_NoiDat_2	Vị trí dẫn lưu 2	Chuỗi	200	
III	Can thiệp đang có	3.12	DanLuu_Khac	Dẫn lưu khác	Chuỗi	500	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
III	Can thiệp đang có	3.13	LieuThoOxy	Thở oxy (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.14	LieuThoOxy_LPhut	Liều (L/phút hoặc FiO2 %)	Chuỗi	20	
III	Can thiệp đang có	3.15	VetLoetDoTiDe	Loét tì đè (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.16	VetLoetDoTiDe_GhiRo	Ghi rõ vị trí, độ	Chuỗi	200	
III	Can thiệp đang có	3.17	BangVetThuong	Bảng vết thương (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
III	Can thiệp đang có	3.18	BangVetThuong_GhiRo	Ghi rõ vị trí, loại băng	Chuỗi	500	
III	Can thiệp đang có	3.19	NgayCatChi	Ngày cắt chỉ (nếu có)	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.1	DD_NhinAnUong	Nhịn ăn uống	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.2	DD_QuaOngThong	Ăn qua ống thông (sond, sonde dạ dày...)	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.3	DD_CheDoAn	Chế độ ăn thường/loãng/nhào...	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.4	DD_CheDoAn_MoTa	Ghi chú chế độ ăn	Chuỗi	200	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
IV	Chức năng sinh hoạt	4.5	KhongPhuThuoc	Không phụ thuộc – đi lại bình thường	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.6	XeLan	Dùng xe lăn	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.7	NgoiGhe	Ngồi ghế đợc	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.8	NamTuyetDoiTaiGiuong	Nằm tuyệt đối tại giường	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.9	TieuCoTuChu	Tiểu tự chủ	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.10	TieuKhongTuChu	Tiểu không tự chủ	Số nguyên	1	
IV	Chức năng sinh hoạt	4.11	QuaLoBaiTietNhanTao	Qua lỗ bài tiết nhân tạo (hậu môn giả, mở khí quản...)	Số nguyên	1	
V	Thuốc	5.1	ThuocDaDieuTriTrongNgay	Đã dùng thuốc trong ngày (1=Có)	Số nguyên	1	
V	Thuốc	5.2	ListTDDTTTrongNgay_Luc	Danh sách thuốc + giờ dùng trong ngày	List<DateTime>		
V	Thuốc	5.3	ThuocCanSuDungTiep	Cần tiếp tục dùng khi chuyển khoa (1=Có)	Số nguyên	1	
V	Thuốc	5.4	ListTCSDTiep_Luc	Danh sách thuốc + giờ cần dùng tiếp theo	List<DateTime>		

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
VI	Tài liệu bàn giao	6.1	HoSoBenhAn	Bàn giao hồ sơ bệnh án (1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Tài liệu bàn giao	6.2	VatDungCaNhan	Vật dụng cá nhân	Số nguyên	1	
VI	Tài liệu bàn giao	6.3	TaiLieuBanGiao_Khac	Tài liệu khác (X-quang, siêu âm...)	Số nguyên	1	
VII	Nhân viên bàn giao – tiếp nhận	7.1	DieuDuongKhoaChuyen	Họ tên điều dưỡng khoa chuyển	Chuỗi	250	
VII	Nhân viên bàn giao – tiếp nhận	7.2	MaDieuDuongKhoaChuyen	Mã điều dưỡng chuyển	Chuỗi	25	
VII	Nhân viên bàn giao – tiếp nhận	7.3	DieuDuongKhoaNhan	Họ tên điều dưỡng khoa nhận	Chuỗi	250	
VII	Nhân viên bàn giao – tiếp nhận	7.4	MaDieuDuongKhoaNhan	Mã điều dưỡng nhận	Chuỗi	25	
VIII	Kỹ năng chăm sóc đặc biệt	8.1	ListKNChamSoc	Danh sách kỹ năng cần lưu ý khi chăm sóc (hút đờm, thay băng, thay dịch truyền...)	List<string>		

Chuỗi Json:

{

"MaQuanLy": 155005,
"ID": 0,
"MaBenhNhan": "000000001",
"HoVaTenBenhNhan": "Nguyễn Văn A",
"NgàySinh": "2026-04-01",
"Tuoi": 35,
"GioiTinh": 1,
"DiaChi": "123 Lê Lợi, Phường 2, Quận 1, TP.HCM",
"NgàyVaoVien": "2026-04-01T14:30:00",
"NgàyGioChuyen": "2026-04-01T14:30:00",
"BacSiChiDinhChuyen": "BS Nguyễn Văn B",
"MaBacSiChiDinhChuyen": "CCHN-010/HCM",
"ChuyenTu": "Khoa Cấp cứu",
"ChuyenDen": "Khoa Nội tổng hợp",
"LyDoChuyen": "Chuyển khoa để tiếp tục theo dõi và điều trị.",
"ChuyenTheoYeuCau": 1,
"SoYTe": "Sở Y tế TP Hồ Chí Minh",
"BenhVien": "Bệnh viện Từ Dũ",
"MaCSKCB": "79001",
"IDMauPhieu": 769,
"ChanDoan": "Viêm dạ dày cấp",
"TìnhTrangNguoiBenh": 2,
"TìnhTao": 1,
"BuonNgu": 0,
"KichDong": 0,
"LuLan": 0,
"HonMe": 0,
"Dau": 2,
"ThangDiemDau": "VAS 4/10",
"NguyCoTeNga": 1,
"ThangDiemNguyCoTeNga": "Morse 25",

"NhietDo": "37.2",
"Mach": "88",
"HA": "120/80",
"NhipTho": "18",
"SpO2": "98",
"DiUng": 1,
"DiUng_GhiRo": "",
"DTTMNgoaiBien": 1,
"listDTTMNgoaiBien": [
{ "NoiDat": "Tay trái G20", "NgàyDat": "2026-04-01" }
],
"DTTMTrungTam": 0,
"listDTTMTrungTam": [],
"DTDM": 0,
"DTDM_NgayDat": "2026-04-01T14:30:00",
"OngThongTieu": 1,
"OngThongTieu_NgayDat": "2026-04-01T14:30:00",
"DanLuu": 0,
"DanLuu_NoiDat_1": "",
"DanLuu_NoiDat_2": "",
"DanLuu_Khac": "",
"LieuThoOxy": 0,
"LieuThoOxy_LPhut": "",
"VetLoetDoTiDe": 0,
"VetLoetDoTiDe_GhiRo": "",
"BangVetThuong": 1,
"BangVetThuong_GhiRo": "Băng vô khuẩn vùng cẳng tay trái",
"NgayCatChi": "2026-04-01T14:30:00",
"DD_NhinAnUong": 0,
"DD_QuaOngThong": 0,
"DD_CheDoAn": 1,

```
"DD_CheDoAn_MoTa": "Ăn mềm",
"KhongPhuThuoc": 1,
"XeLan": 0,
"NgoiGhe": 1,
"NamTuyetDoiTaiGiuong": 0,
"TieuCoTuChu": 1,
"TieuKhongTuChu": 0,
"QuaLoBaiTietNhanTao": 0,
"ThuocDaDieuTriTrongNgay": 1,
"ListTDDTTTrongNgay_Luc": [
  { "ThoiGian": "2026-04-01T14:30:00" },
  { "ThoiGian": "2026-04-01T14:30:00" }
],
"ThuocCanSuDungTiep": 1,
"ListTCSDTiep_Luc": [
  { "ThoiGian": "2026-04-01T14:30:00" },
  { "ThoiGian": "2026-04-01T14:30:00" }
],
"HoSoBenhAn": 1,
"VatDungCaNhan": 1,
"TaiLieuBanGiao_Khac": 0,
"DieuDuongKhoaChuyen": "ĐD Nguyễn Thị C",
"MaDieuDuongKhoaChuyen": "DD-012/HCM",
"DieuDuongKhoaNhan": "ĐD Trần Thị D",
"MaDieuDuongKhoaNhan": "DD-014/HCM",
"ListKNChamSoc": [
  { "KhuyenNghì": "Uống nhiều nước" },
  { "KhuyenNghì": "Nghì ngơi" }
]
}
```